

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2017/HNGĐ-ST

Ngày 01 tháng 9 năm 2017

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Văn Lộc;

2. Ông Lê Đình Hưng;

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Minh Chinh-Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên toà: Ông Bùi Ngọc Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01/9/2017, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2017/TLST-HNGĐ ngày 09/6/2017 về *“Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/7/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh T Sinh năm 1983

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị M Sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: Làng L 2, xã Ia K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Nguyên đơn làm đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị M có trải qua thời gian tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 24/02/2014 tại UBND xã Ia K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Sau kết hôn, anh T và chị M sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống nên hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, chửi bới nhau. Cứ mỗi lần cãi nhau là chị M lại bỏ về nhà mẹ đẻ khiến cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng do đó anh T và chị M đã tự sống ly thân từ tháng 01/2017 đến nay. Gia đình hai bên đã động viên thuyết phục nhiều lần nhưng không mang lại kết quả. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không còn khả năng hàn gắn anh Tuấn làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị M. Chị M cũng nhất trí.

Quá trình sống chung, anh T và chị M có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Hà A, sinh ngày 15/8/2014. Từ khi anh T và chị M sống ly thân đến nay, cháu Hà A do

anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh có nguyện vọng tiếp tục được nuôi cháu Hà A, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Chị M cũng nhất trí

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh T tự nguyện chịu toàn bộ án phí để sung vào công quỹ nhà nước.

* Tài liệu chứng cứ mà anh T đã giao nộp cho Tòa án và tại phiên tòa hôm nay gồm:

- 01 Sổ hộ khẩu (photo, chứng thực);
- 02 Chứng minh nhân dân (photo, chứng thực);
- 01 Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính);
- 01 Giấy khai sinh (photo có chứng thực);

* Phát biểu của Kiểm sát viên:

1/ Về tố tụng: Anh Nguyễn Thanh T có đơn khởi kiện ly hôn, nuôi con chung với chị Nguyễn Thị M được Tòa án xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” và thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đức Cơ. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng đúng Pháp luật qui định. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự, Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử tại phiên tòa đều đảm bảo đúng qui định.

2/ Về nội dung:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị M có trải qua thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn ngày 24/02/2014 tại UBND xã Ia K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Hôn nhân của anh T và chị M là tự nguyện và hợp pháp.

Quá trình sống chung phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm nên hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, chửi bới nhau gia đình đã động viên thuyết phục nhưng không mang lại kết quả chứng tỏ mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng không thể tiếp tục sống chung. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân - Gia đình xử theo hướng cho anh T được ly hôn với chị M.

- Về con chung và nuôi con chung: Anh T và chị M có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Hà A, sinh ngày 15/8/2014. Từ khi anh T và chị M sống ly thân đến nay, cháu Hà A do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. A có nguyện vọng tiếp tục được nuôi cháu Hà A, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Chị M cũng nhất trí nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81,82,83,84 Luật hôn nhân - Gia đình xử theo hướng giao cháu Hà A cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Việc anh T không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện không trái với điều cấm của luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị M không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ghi nhận sự tự nguyện chịu toàn bộ án phí giải quyết vụ án của anh T theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, Bị đơn chị M vắng mặt lần thứ 2 liên tiếp không có lý do. Nguyên đơn làm đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, những lời trình bày đã có trong hồ sơ vụ án

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị M có trải qua thời gian tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 24/02/2014 tại UBND xã Ia K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vì vậy quan hệ hôn nhân của anh T và chị M là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp.

[2] Sau khi kết hôn, anh T và chị M sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn họ đã tự sống ly thân tháng 01/2017 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Chứng tỏ tình cảm giữa chị M và anh T đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã thực sự đổ vỡ không còn khả năng hàn gắn để tiếp tục sống chung. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T xử cho anh T được ly hôn với chị M là có căn cứ.

[3] *Về con chung và nuôi con chung*: Anh T và chị M có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Hà A, sinh ngày 15/8/2014. Từ khi anh T và chị M ly thân đến nay, cháu Hà A do anh T nuôi dưỡng. Anh có nguyện vọng tiếp tục được nuôi cháu Hà A và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con, chị M cũng đồng ý. Tuy nhiên chị M vắng mặt tại phiên tòa do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81,82,83,84 Luật hôn nhân - Gia đình xử: Giao cháu Hà A cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không buộc chị M phải cấp dưỡng nuôi cháu Hà A là phù hợp.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh T và chị M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về án phí*: Anh T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn là 300.000đ đề sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 266; của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 18, điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh T.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho anh Nguyễn Thanh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị M.

- *Về con chung và nuôi con chung*: Xử giao cháu Nguyễn Ngọc Hà A, sinh ngày 15/8/2014 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu Hà A thành niên, có khả năng lao động và tự lập được.

Chị M có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị M thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, anh T và chị M đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- *Về án phí*: Anh Nguyễn Thanh T tự nguyện chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ anh Tuấn đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0006662 ngày 09/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Anh T đã nộp đủ án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Anh T, chị M vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo Phúc thẩm là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

(Đã giải thích thủ tục và phạm vi kháng cáo)

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS;
- Các đương sự;
- UBND xã Ia K;
- THADS ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ KIM THOA